TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 9 - 2017
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảnh.

2. Bà Nguyễn Thị Tua.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2017/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2017, về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị K, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Quốc T, sinh năm 1981;

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã V4, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Lê Dương Quốc K1, sinh năm 2007; địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V4, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị K trình bày: Vào ngày 18/7/2007, chị có đăng ký kết hôn với bị đơn anh Lê Quốc T, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, cho đến ngày 20/6/2017 thì ly thân cho đến nay,

nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, chăm lo cho gia đình. Do đó, chị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn; anh chị có một con chung tên Lê Dương Quốc K1, hiện nay do anh T đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có.

Tại văn bản ngày 15/8/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Quốc T trình bày: Anh thừa nhận lời khai của chị K về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung là đúng; về mâu thuẫn là không đúng, bởi vì anh đi làm tối ngày mới về, nên không đồng ý ly hôn; trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có, nên không yêu cầu.

Tại văn bản ngày 15/8/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Lê Dương Quốc K1 trình bày: Cha cháu tên Lê Quốc T, mẹ cháu tên Dương Thị K, cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

Về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện ngày 31/5/2017 và bản tự khai cùng ngày; giấy chứng nhận kết hôn; trích lục khai sinh (bản sao); bản photo giấy chứng minh nhân dân; thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng; biên lai thu tạm ứng án phí; thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; biên bản tống đạt; biên bản xác minh tranh chấp; biên bản lấy lời khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải đoàn tụ; biên bản hòa giải về con chung, tài sản; quyết định phân công Kiểm sát viên; quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về con giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị K chưa phải cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có, nên không xem xét;

Về tình tiết các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân và con chung; nợ chung và tài sản chung không có, nên các bên không phải chứng minh (Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự).

Vấn đề các bên không thống nhất: Về thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn; anh T cho rằng anh đi làm tối ngày, nên không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ con; chị K cho rằng anh T thường xuyên chửi chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Cháu Lê Dương Quốc K1 xin được vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt cháu K1.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Vào năm 2007, giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân; đến năm 2017 phát sinh tranh chấp. Do đó, áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để giải quyết.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Dương Thị K với anh Lê Quốc T đăng ký kết hôn vào ngày 19/7/2007, tại Ủy ban nhân dân xã Vị Thanh, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị K và anh T đủ điều kiện kết hôn (Theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000), nên anh chị được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tuy nhiên, anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con; theo biên bản xác minh tranh chấp (BL 13): *giữa anh T với chị K thường xuyên xảy ra cự cãi,…* nội dung này phù hợp với lời khai chị K, nên lời khai của anh T là không có căn cứ. Theo khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "*Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn*". Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "*Khi một bên vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án xem xét, giải quyết việc ly hôn*". Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về con chung: Giữa chị K với anh Tòan có 01 con chung tên Lê Dương Quốc K1 sinh ngày 18/4/2007, cháu K1 hiện tại do anh T đang nuôi dưỡng. Theo đoạn hai, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "…; *nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Cháu K1 đã trên 07 tuổi và do anh T đang nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án cháu K1 có nguyện vọng sống với anh T, nên tiếp tục giao cháu K1 cho anh T nuôi dưỡng là đúng pháp luật. Việc anh T nuôi con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng, đây là quyền tự định đoạt của anh T, nên không xem xét; sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn, anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[5]. Về tài sản chung: Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa các đương sự xác định ông bà không có nợ ai, cũng như không có ai nợ ông bà; tài sản chung không có, nên không đề cập đến. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đương sự phải chịu án phí và được kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, 93, 94, khoản 1 Điều 95, 98, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng: khoản 2 Điều 8, 9, 11, 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị K và anh Lê Quốc T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lê Dương Quốc K1, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2007 cho anh Lê Quốc T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Dương Thị K chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung* không có, anh chị không nợ ai và không có ai nợ anh chị, nên không đề cập đến;

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị K phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được chuyển 300.000đ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013581, ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí sơ thẩm, chị K đã nộp xong, không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hậu Giang;
- Viện kiểm sát huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vị Thanh, h.Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Văn Hùng